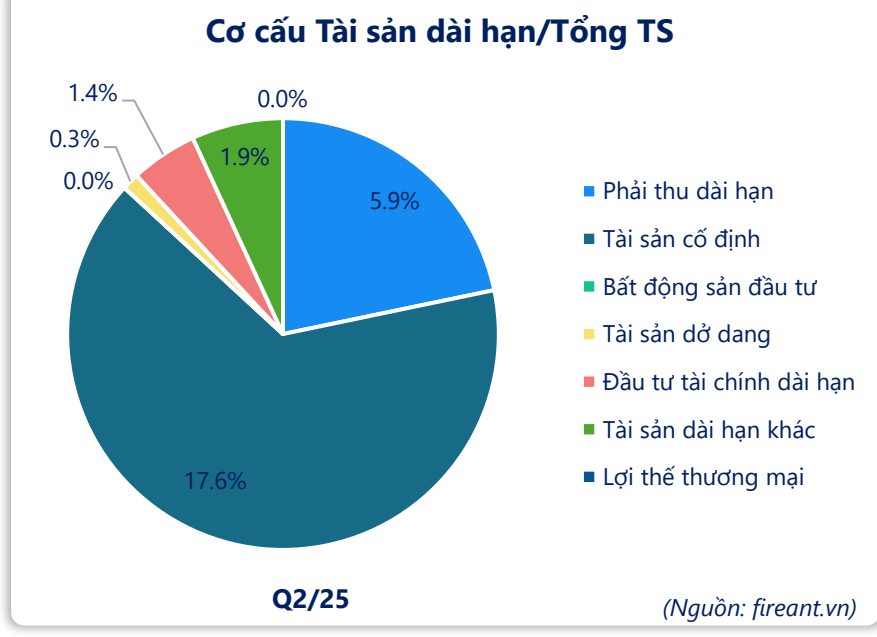
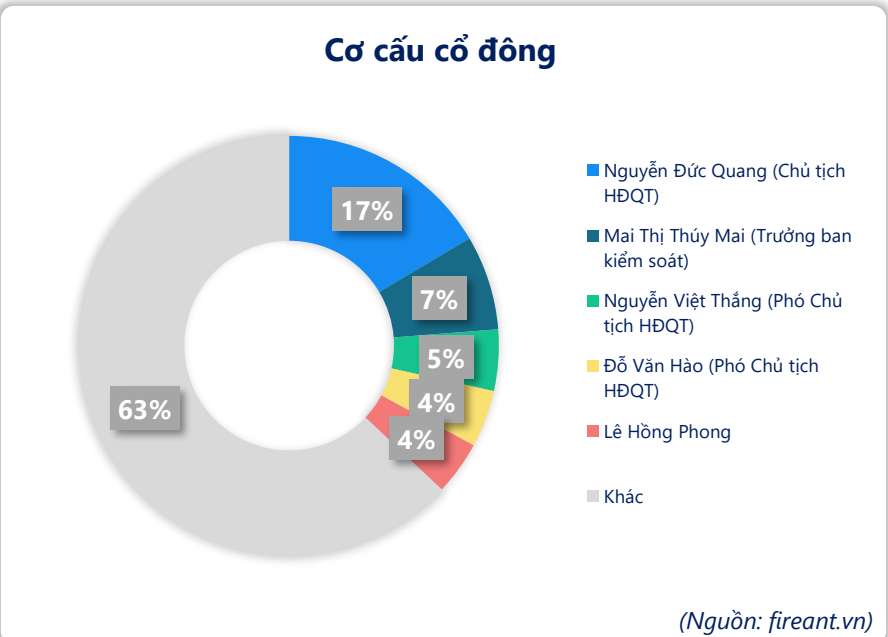
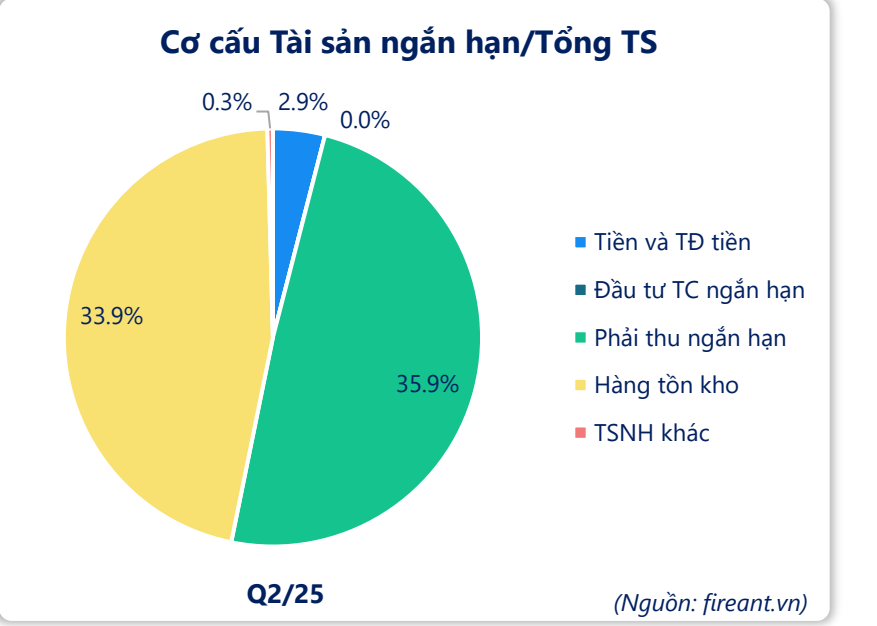
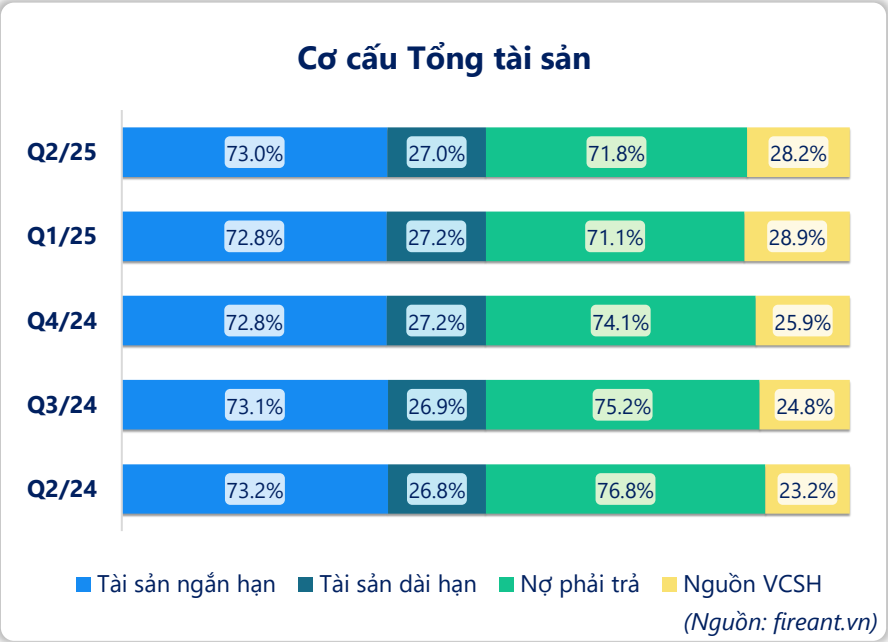
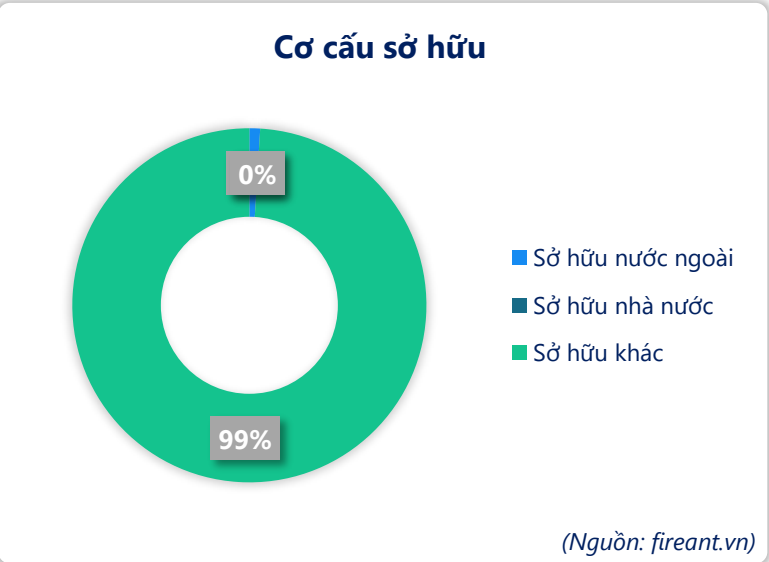
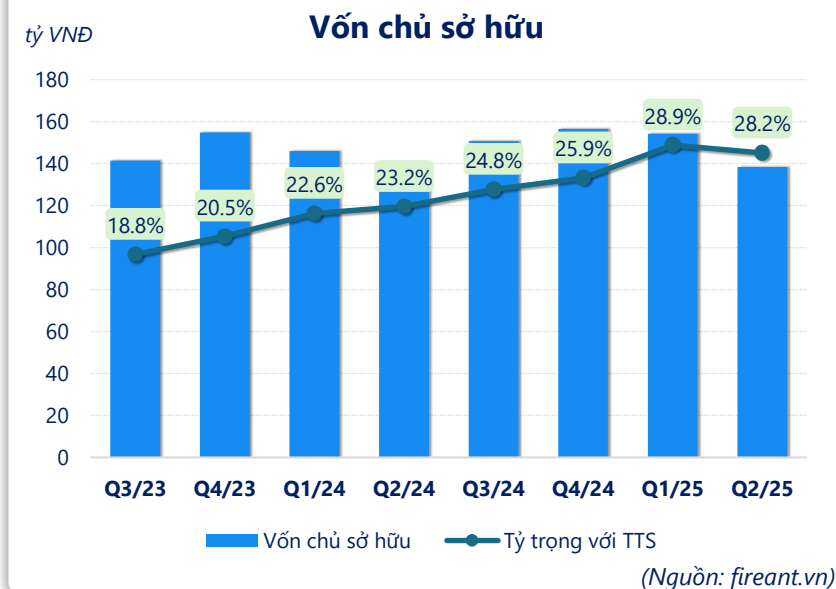
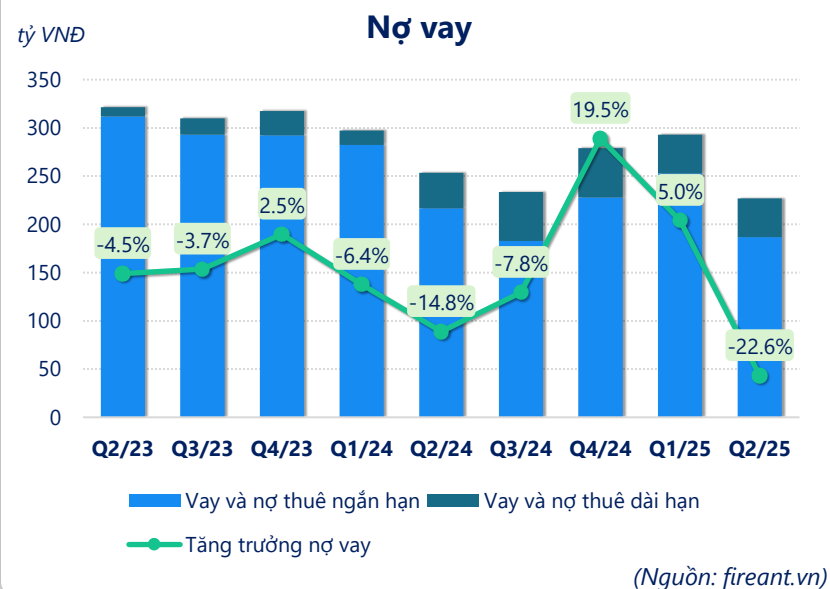
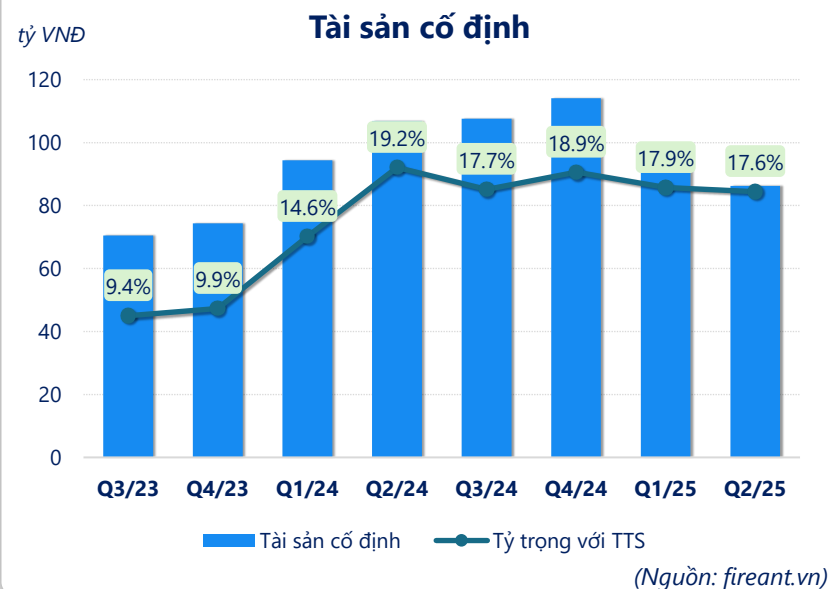
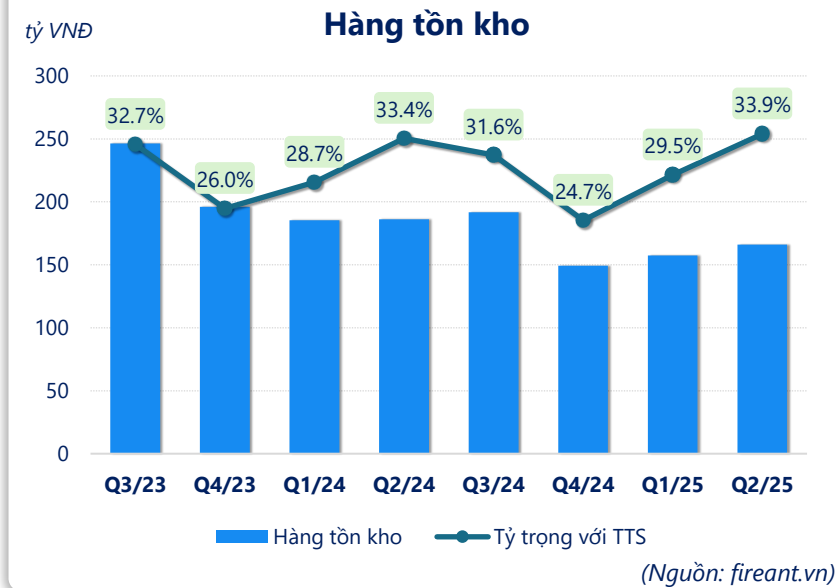
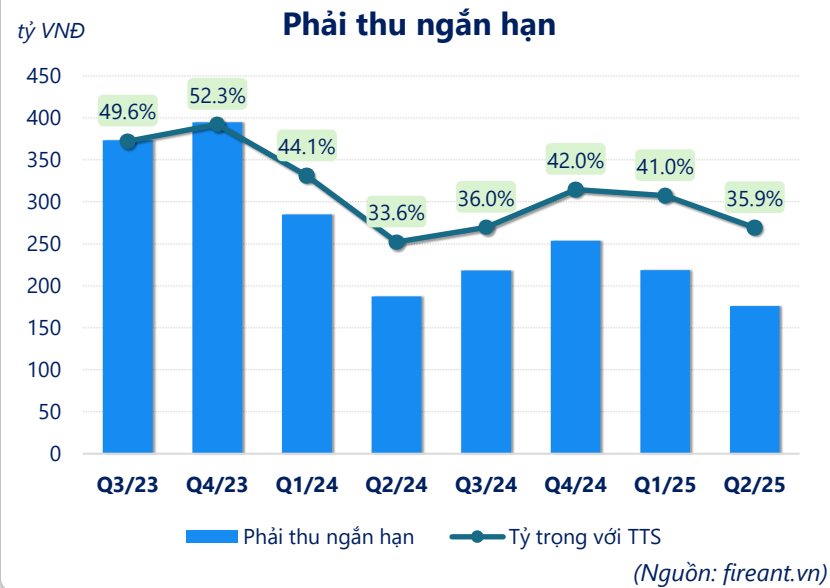
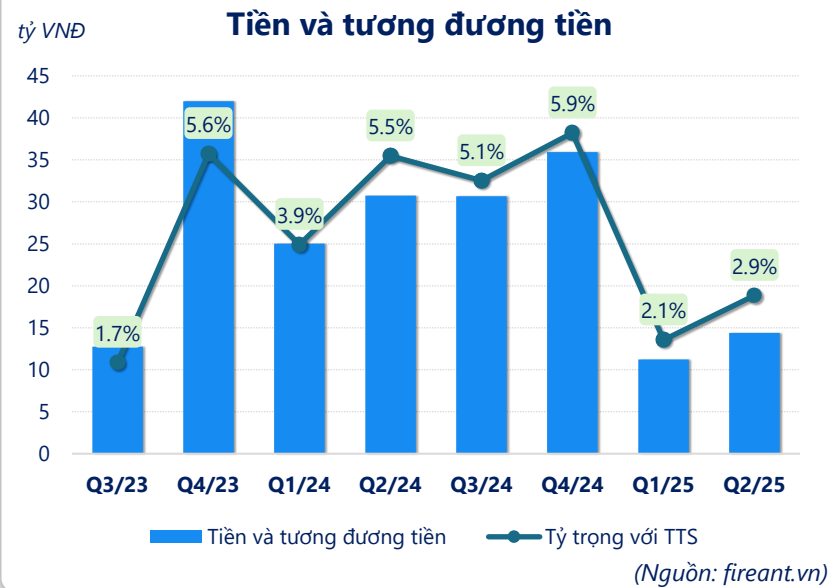
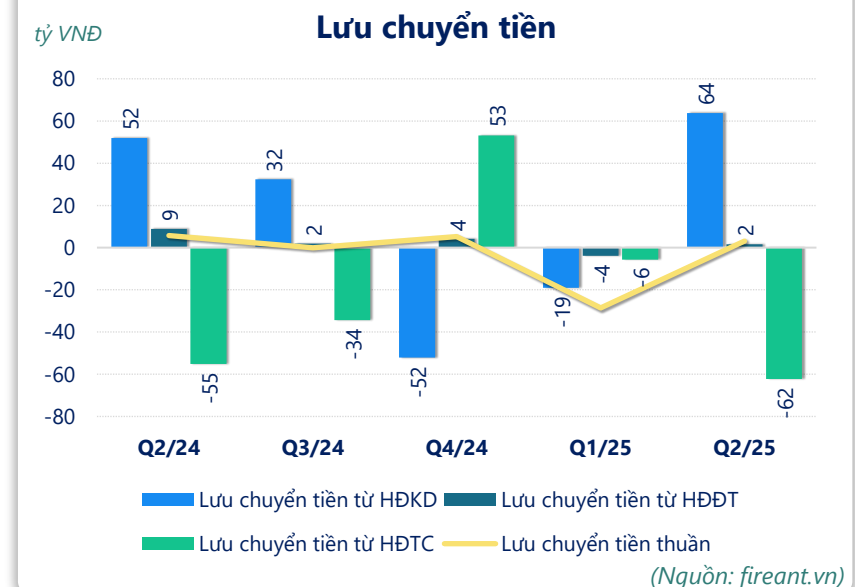
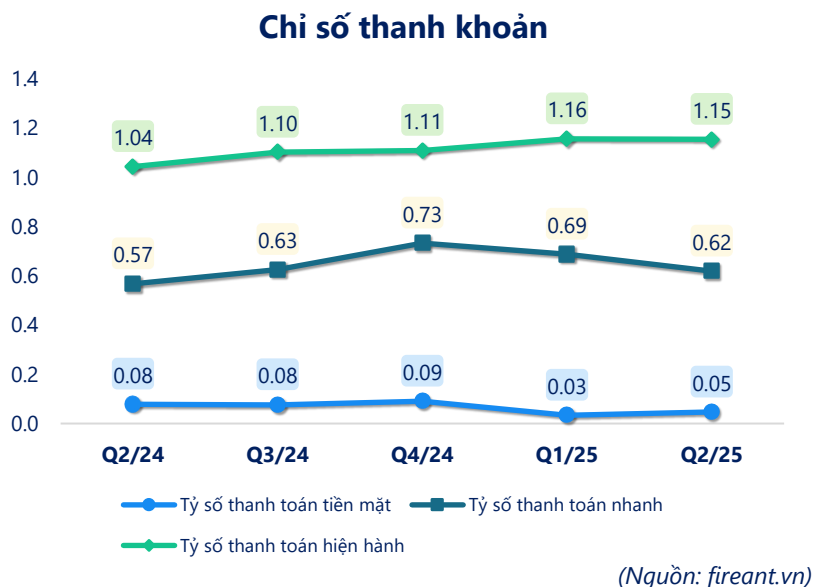
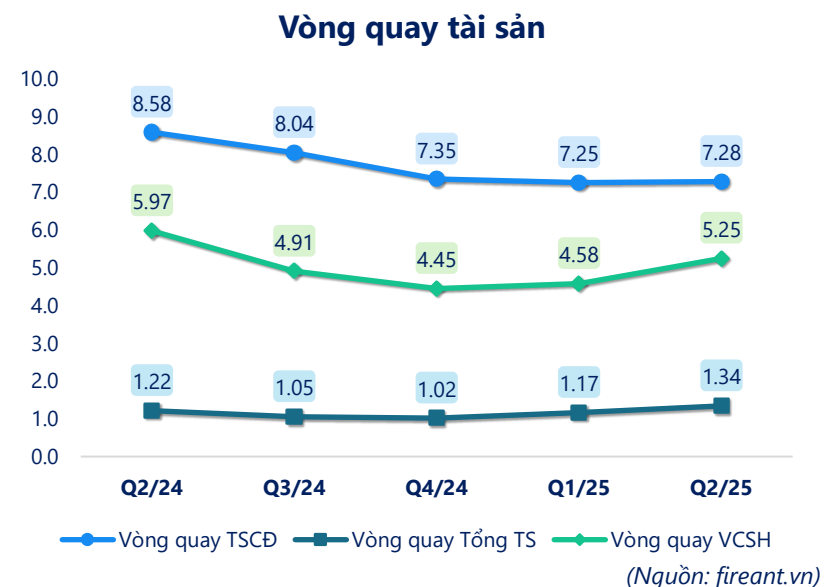
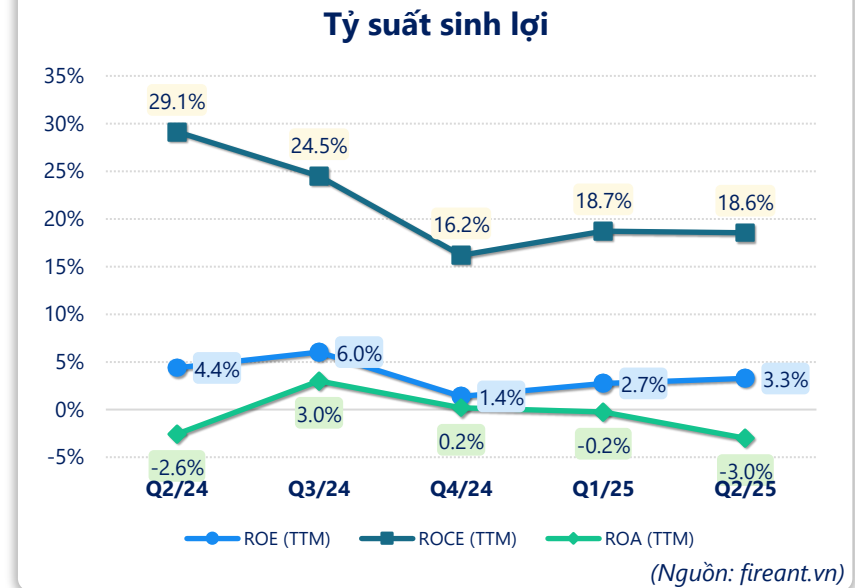
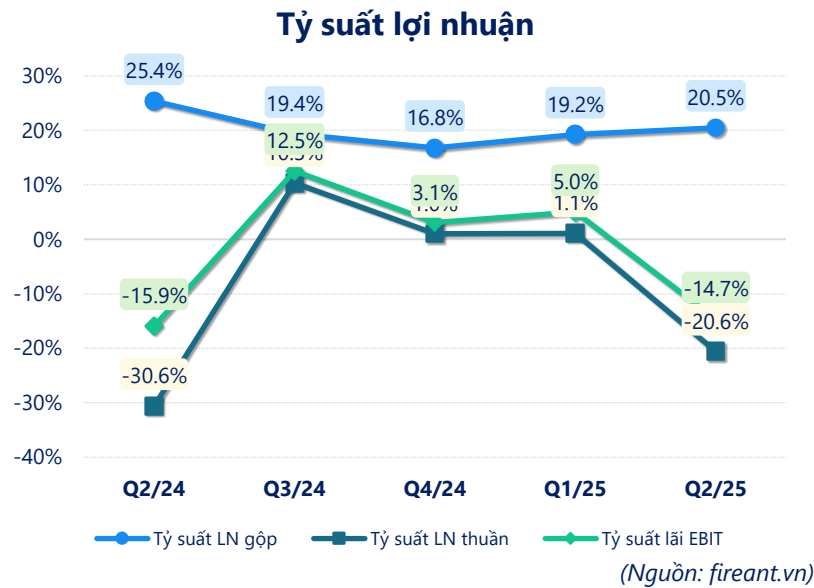
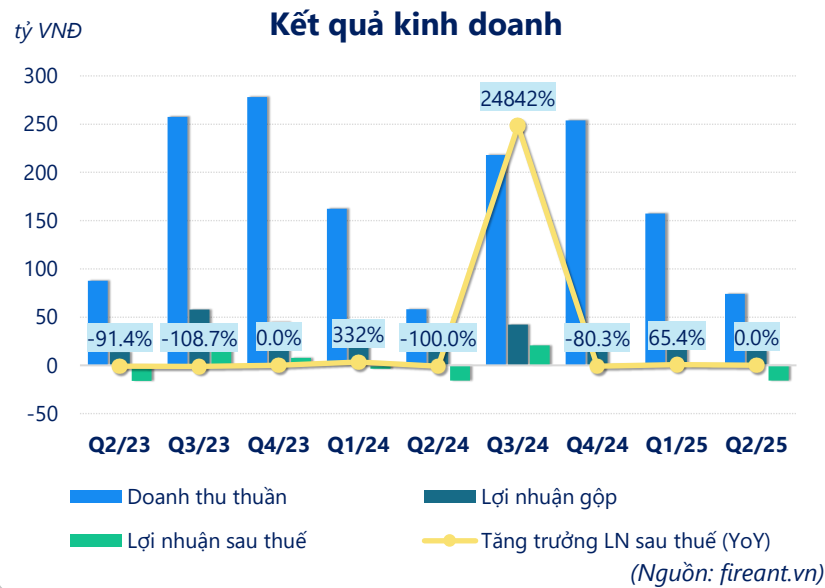


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,000
SL cổ phiếu LH		13,916,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)		30,235
% sở hữu nước ngoài		1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		110
P/E		25.2
EPS		313

	YTD	1T	3T	6T
SBD	0.0%	11.3%	1.3%	-3.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	490	604	-18.9%
Tài sản ngắn hạn	358	440	-18.7%
Tiền và tương đương tiền	14.4	35.9	-60.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.50	-100%
Phải thu ngắn hạn	176	254	-30.6%
Hàng tồn kho	166	149	11.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.52	0.46	228%
Tài sản dài hạn	132	165	-19.5%
Phải thu dài hạn	28.8	30.4	-5.3%
Tài sản cố định	86.3	114	-24.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.68	1.68	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.63	8.54	-22.3%
Tài sản dài hạn khác	9.09	9.82	-7.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	352	448	-21.4%
Nợ ngắn hạn	310	397	-21.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	187	228	-18.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.1	79.5	-62.2%
Nợ dài hạn	41.9	51.3	-18.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	40.2	51.2	-21.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	138	156	-11.6%
Vốn chủ sở hữu	138	156	-11.6%
Vốn điều lệ	139	139	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	58.0	218	254	157	73.9
Giá vốn hàng bán	43.3	176	211	127	58.8
Lợi nhuận gộp	14.7	42.2	42.6	30.3	15.2
Doanh thu HĐTC	0.98	-0.27	0.26	5.32	0.93
Chi phí TC	7.31	4.82	7.28	9.52	4.92
Chi phí lãi vay	6.64	5.21	5.76	6.02	4.96
LN trong công ty LKLD	0	1.43	0	-0.95	0
Chi phí bán hàng	12.4	13.3	12.8	13.2	12.0
Chi phí QLDN	13.8	2.72	20.1	10.1	14.4
LN thuần từ HĐKD	-17.8	22.5	2.61	1.75	-15.2
Lợi nhuận khác	1.87	-0.38	-0.55	0.11	-0.57
LN trước thuế	-15.9	22.1	2.06	1.87	-15.8
Lợi nhuận sau thuế	-15.9	20.6	1.28	-1.68	-15.8
LNST của CĐ cty mẹ	-16.0	20.4	1.17	-1.43	-15.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	51.9	32.4	-52.2	-19.0	63.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.89	1.89	4.23	-3.89	1.60
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-55.1	-34.3	53.2	-5.66	-62.3
Tiền đầu kỳ	25.0	30.7	30.7	35.9	11.2
Lưu chuyển tiền thuần	5.72	-0.06	5.28	-28.6	3.14
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	-0.17	0
Tiền cuối kỳ	30.7	30.7	35.9	14.9	14.4

(Nguồn: fireant.vn)